

Miniger

KIN

HEADQUARTERS
UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND, VIETNAM
Office of the Assistant Chief of Staff, Intelligence
APO US Forces 96222

MACJ261

16 May 1967

SUBJECT: TRANSLATION REPORT.

LOG No. 06-1010-67

1. Attached is a full English translation of a captured enemy document.
2. Capture Data:
 - a. Title: Personnel Rosters, Notifications of Death.
 - b. Date: 24 Mar 67.
 - c. Location: XT335724 (Opn Junction City II)
 - d. Unit: C/277 Inf, 4th US Inf Div.
 - e. Synopsis: 2 Rosters of personnel who died during 1966 and fifteen notifications of death dated 10 Dec 66. Most of the individuals were from North Vietnam.
3. Date document received at Combined Document Exploitation Center (CDEC): 31 Mar 67.
4. In the event the attached translation report is declassified, the "KIN" marking and this cover letter will be removed.

Samuel Riggio

FMA

for HENRY AJIMA
LTC, AIS
Dir, US EIA, CDEC

"KIN" IS A VIETNAMESE CLASSIFICATION
EQUIVALENT TO CONFIDENTIAL AND WILL BE HANDLED ACCORDINGLY. KIN

Mining

82-100-67

KIN

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
41	Nguyễn Chí Lân	PFC	1944	Kế sở, Văn Quang, Hắc Yên	Nguyễn Chí Lân	Nguyễn Thị Hoa	Thị Yên	Father	"	19 Sep 66	"
42	Đoàn Đình Xuyên	Sr Sgt	1939	Yên Dương, Tuy An, Yên Định, Hà Tây, Tô Châu, Bắc Tân, Thanh Tân, Hà Tây	Nguyễn Chí Lân	Nguyễn Thị Hoa	Thị Yên	Father	"	25 Sep 66	Front hospital 16
43	Nguyễn Văn Kỳ	SFC	1935	Thị trấn, Hà Tây, Ông Sơn, Tây Khu, Hắc Yên	Nguyễn Văn Lân	Nguyễn Thị Hoa	Thị Yên	Mother	"	5 Sep 66	Cemo-Litson strilam 12
44	Đoàn Văn Cường	PFC	1948	Đoàn, Thanh Hóa, Hắc Yên	Nguyễn Văn Lân	Nguyễn Thị Hoa	Thị Yên	"	"	19 Jan 66	"
45	Nguyễn Ba Bắc	Sr Sgt	1941	Ông, Quận, Cầu Giấy, Quận, Hà Tây, Hắc Yên	Nguyễn Văn Lân	Nguyễn Thị Hoa	Thị Yên	"	"	6 Sep 66	"
46	Trần Quốc Đức	PFC	1940	Quận, Quận, Hà Tây, Hắc Yên	Nguyễn Văn Lân	Nguyễn Thị Hoa	Thị Yên	"	"	"	"
47	Nguyễn Phú Đức	PFC	1947	Quận, Quận, Hà Tây, Hắc Yên	Nguyễn Văn Lân	Nguyễn Thị Hoa	Thị Yên	"	"	"	"
48	Hoàng Văn Báo	PFC	1937	Thanh, Quận, Hà Tây, Hắc Yên	Nguyễn Văn Lân	Nguyễn Thị Hoa	Thị Yên	"	"	7 Sep 66	"
49	Nguyễn Văn Thuận	Col	1944	Đoàn, Quận, Hà Tây, Hắc Yên	Nguyễn Văn Lân	Nguyễn Thị Hoa	Thị Yên	"	"	8 Sep 66	"
50	Nguyễn Hữu Kiên	PFC	1947	Đoàn, Quận, Hà Tây, Hắc Yên	Nguyễn Văn Lân	Nguyễn Thị Hoa	Thị Yên	"	"	10 Sep 66	"
51	Hai Đình Tân	PFC	1947	Đoàn, Quận, Hà Tây, Hắc Yên	Nguyễn Văn Lân	Nguyễn Thị Hoa	Thị Yên	"	"	18 Sep 66	"
52	Nguyễn Văn Thanh	SFC	1947	Đoàn, Quận, Hà Tây, Hắc Yên	Nguyễn Văn Lân	Nguyễn Thị Hoa	Thị Yên	"	"	"	"
53	Trần Trọng Nhân	SFC	1947	Đoàn, Quận, Hà Tây, Hắc Yên	Nguyễn Văn Lân	Nguyễn Thị Hoa	Thị Yên	"	"	20 Sep 66	"
54	Lê Văn Biên	PFC	1936	Đoàn, Quận, Hà Tây, Hắc Yên	Nguyễn Văn Lân	Nguyễn Thị Hoa	Thị Yên	"	"	9 Sep 66	"
55	Nguyễn Ngọc Quang	PFC	1938	Đoàn, Quận, Hà Tây, Hắc Yên	Nguyễn Văn Lân	Nguyễn Thị Hoa	Thị Yên	"	"	1 Sep 66	"
56	Nguyễn Văn Diên	PFC	1948	Đoàn, Quận, Hà Tây, Hắc Yên	Nguyễn Văn Lân	Nguyễn Thị Hoa	Thị Yên	"	"	4 Sep 66	"

KIN

ST	Đo. và tên	Đang	Đang	Nguyên quán	Đơn vị	Chức vụ
1	Nguyễn Công Kế	B1	1945	Quảng Bình - Thuận Mỹ - Bút Bút - Hà Tây	Đội Công Tán	6x
2	Trần Xuân Tài	Khố	1945	Đô thị 3 - Khố 3 - Tỉnh - Khu phố 10 - Thủ Đức - Thủ Đức - Thủ Đức	Trần Văn Tâm	9x
3	Nguyễn Việt Khon	B1	1945	Mỹ Thuận - Mỹ Đức - Hà Tây	Đội Việt K	7x
4	Mai Lưu	B1	1945	Quảng Trung - Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Thái Sơn	2
5	Cao Văn Phán	B1	1945	Lâm Khê - Thăng - Văn Giang - Hưng Yên	Cao Văn Khẩn	9
6	Nguyễn Quang Hải	B1	1945	Thôn Thượng - Thăng - Mỹ Đức - Hà Tây	Đội Quang	6x
7	Lưu Văn Sơn	Khố	1945	Xuân An - Hữu Lũng - Lâm Thao - Phú Thọ		
8	Đặng Quang Hải	B1	1945	Vĩnh Khang - Vĩnh Kh. Thủ Đức - Hà Tây	Đội Văn Thuận	
9	Nguyễn Trọng Tiến	B1	1945	Đô thị 1 - Thủ Đức - Thủ Đức - Hà Tây	Đội Trọng Tiến	1x
10	Vũ Văn Thiệu	B1	1945	Tân Khê - Mỹ Đức - Hà Tây	Vũ Văn Thiệu	1x
11	Vũ Văn Lương	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Vũ Văn Lương	1x
12	Đôi Văn Thảo	B1	1945	Trung Phú - Thủ Đức - Thủ Đức - Thủ Đức	Đôi Văn Thảo	1x
13	Nguyễn Văn Hải	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Nguyễn Văn Hải	1x
14	Đôi Văn Hải	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Đôi Văn Hải	1x
15	Vũ Văn Dũng	B1	1945	Tân Khê - Mỹ Đức - Hà Tây	Vũ Văn Dũng	1x
16	Nguyễn Văn Hải	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Nguyễn Văn Hải	1x
17	Phạm Văn Tiến	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Phạm Văn Tiến	1x
18	Hải Văn Sơn	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Hải Văn Sơn	1x
19	Nguyễn Văn Hải	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Nguyễn Văn Hải	1x
20	Nguyễn Văn Hải	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Nguyễn Văn Hải	1x
21	Mai Văn Hải	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Mai Văn Hải	1x
22	Nguyễn Văn Hải	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Nguyễn Văn Hải	1x
23	Nguyễn Văn Hải	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Nguyễn Văn Hải	1x
24	Nguyễn Văn Hải	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Nguyễn Văn Hải	1x
25	Trần Văn Hải	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Trần Văn Hải	1x
26	Phạm Văn Hải	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Phạm Văn Hải	1x
27	Nguyễn Văn Hải	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Nguyễn Văn Hải	1x
28	Nguyễn Văn Hải	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Nguyễn Văn Hải	1x
29	Phạm Văn Hải	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Phạm Văn Hải	1x
30	Phạm Văn Hải	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Phạm Văn Hải	1x
31	Nguyễn Văn Hải	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Nguyễn Văn Hải	1x
32	Nguyễn Văn Hải	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Nguyễn Văn Hải	1x
33	Nguyễn Văn Hải	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Nguyễn Văn Hải	1x
34	Nguyễn Văn Hải	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Nguyễn Văn Hải	1x
35	Nguyễn Văn Hải	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Nguyễn Văn Hải	1x
36	Nguyễn Văn Hải	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Nguyễn Văn Hải	1x
37	Lưu Văn Hải	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Lưu Văn Hải	1x
38	Hải Văn Hải	B1	1945	Đội Phú Mỹ Hưng - Thủ Đức - Thủ Đức	Hải Văn Hải	1x

Mining

[illegible]

31 - Trần Văn Thọ	1944	Thống Lđ - Văn Giang - Hưng Yên	5		
32 - Nguyễn Văn...	1944	Tân Đức - Quảng Trị - Hải Tây		Đỗ Văn Năm	3/7
33 - Nguyễn Văn...	1944	Mã B - Văn Giang - Hưng Yên		Nguyễn Văn...	3/7
34 - Đỗ Văn...	1944	Yên Lãng - Tuyên Quang - Hải Tây		Đỗ Văn...	3/7
35 - Nguyễn Văn...	1944	Đỗ Thái - Quảng Trị - Hải Tây		Nguyễn Văn...	3/7
36 - Nguyễn Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
37 - Nguyễn Văn...	1944	Chợ Gạo - Quảng Trị - Hải Tây		Chợ Gạo...	3/7
38 - Hoàng Văn...	1944	Quảng Ninh - Hải Tây - Hải Tây		Quảng Ninh...	3/7
39 - Phạm Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
40 - Nguyễn Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
41 - Trần Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
42 - Nguyễn Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
43 - Trần Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
44 - Lê Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
45 - Nguyễn Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
46 - Nguyễn Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
47 - Phạm Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
48 - Phạm Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
49 - Nguyễn Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
50 - Trần Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
51 - Nguyễn Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
52 - Nguyễn Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
53 - Trần Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
54 - Lê Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
55 - Nguyễn Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
56 - Nguyễn Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
57 - Phạm Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
58 - Phạm Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
59 - Nguyễn Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
60 - Trần Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
61 - Lê Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
62 - Nguyễn Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
63 - Nguyễn Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
64 - Nguyễn Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7
65 - Nguyễn Văn...	1944	Đông Sơn - Tĩnh An - Quảng Trị - Hải Tây		Đông Sơn...	3/7

50 group members
 Minus 1 each + 22 and two suicides
 the other 65 men were killed in action

	6-7	8	9	10	11	12
Ng. Lanh	Hưng Thi Huệ	Vĩ	gửi về Bức	18-8-	T 8-	
Ng. Huan	Linh Thi Cam	Bô	"	15-9-65	Tram giao diên	Tg
Ng. Thi Huan	Đỗ Thi yon	Bô	"	13-9-65		T6
Ng. Thi Huan	Ng. Thi Huan	Vĩ	"	25-9-66	Bên viên Mạt Trăn	T6-
Ng. Thi Huan	Ng. Thi Nghi	me	"	5-9-65	Tram giao diên	T2-
Ng. Thi Huan	Ng. Thi Phuc	Vĩ	"	19-8-65	Tram giao diên	T6. (Tha)
Ng. Thi Huan		me	"	6-9-65		T6
Ng. Thi Huan		Bô	"			T6
Ng. Thi Huan	Đỗ Thi An	Vĩ	"	7-9-65		T6
Ng. Thi Huan		Bô	"	8-9-65		T6
Ng. Thi Huan		me	"	10-9-65		T6
Ng. Thi Huan		Bô	"	18-9-65		T6
Ng. Thi Huan		Bô	"	16-9-66		T6
Ng. Thi Huan		Bô	"	20-9-65		T6
Ng. Thi Huan		Bô	"	3-9-66		T6
Ng. Thi Huan		Bô	"	1-9-65		T6
Ng. Thi Huan		Bô	"	4-9-65		T6
Ng. Thi Huan		Bô	"	4-9-66		T6
Ng. Thi Huan		Bô	"	21-8-65		T6
Ng. Thi Huan		Bô	"	11-9-65		T6
Ng. Thi Huan		Bô	"	23-9-65		T6
Ng. Thi Huan		me	"	8-9-65		T6
Ng. Thi Huan		Bô	"	29-8-65		T6
Ng. Thi Huan		Bô	"	21-9-65	Vĩ Thi Tam dng	
Ng. Thi Huan		Bô	"	2-11-65	Bên viên	Kg
Ng. Thi Huan		Bô	"	14-8-65		Kg
Ng. Thi Huan		me	"	28-11-65		Kg

39. Trần Văn Tho	B1	1944	Thống đốc - Văn Giang - Hưng Yên	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
40. Nguyễn Văn Khoa	B1	1943	Tổng đốc - Quảng Ngãi - Hải Tây	Đỗ Văn Quý	Đỗ Văn Quý
41. Nguyễn Văn Khoa	B1	1944	Mã Đổ - Văn Giang - Hưng Yên	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
42. Đỗ Văn Khoa	Thống đốc	1944	Yên Bái - Tuyên Quang - Hải Tây	Đỗ Văn Quý	Đỗ Văn Quý
43. Nguyễn Văn Khoa	B1	1945	Số 34 - Quảng Ngãi - Hải Tây	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
44. Dương Văn Khoa	B1	1945	Đồng Bào - Sơn Hòa - Sơn Tây - Thanh Hóa	Dương Văn Khoa	Dương Văn Khoa
45. Nguyễn Văn Khoa	B1	1945	Chợ gạo - Thanh Hóa - Quảng Ngãi - Hải Tây	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
46. Trần Văn Khoa	B1	1945	Hưng Yên - Yên Bái - Thanh Hóa	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
47. Nguyễn Văn Khoa	B1	1945	Quảng Ngãi - Hưng Yên - Thanh Hóa - Hải Tây	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
48. Hoàng Văn Khoa	B1	1945	Quảng Ngãi - Hưng Yên - Thanh Hóa - Hải Tây	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
49. Phạm Văn Khoa	B1	1945	Số 34 - Hưng Yên - Thanh Hóa - Hải Tây	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
50. Ngô Văn Khoa	B1	1945	Phước Yên - Hải Tây - Thanh Hóa - Hưng Yên	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
51. Mai Văn Khoa	B1	1945	Chợ gạo - Thanh Hóa - Quảng Ngãi - Hải Tây	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
52. Nguyễn Văn Khoa	B1	1945	Ba Lăng - Quảng Ngãi - Thanh Hóa - Hải Tây	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
53. Trần Văn Khoa	B1	1945	Hải Tây - Quảng Ngãi - Thanh Hóa - Hải Tây	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
54. Lê Văn Khoa	B1	1945	Thống đốc - Thanh Hóa - Văn Giang - Hưng Yên	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
55. Ngô Văn Khoa	B1	1945	Quảng Ngãi - Thanh Hóa - Văn Giang - Hưng Yên	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
56. Ngô Văn Khoa	B1	1945	Vĩnh Yên - Thanh Hóa - Văn Giang - Hưng Yên	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
57. Phạm Văn Khoa	B1	1945	Phước Yên - Quảng Ngãi - Hải Tây - Thanh Hóa	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
58. Phạm Văn Khoa	B1	1945	Phước Yên - Quảng Ngãi - Hải Tây - Thanh Hóa	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
59. Ngô Văn Khoa	B1	1945	Độc lập - Quảng Ngãi - Thanh Hóa - Hải Tây	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
60. Trần Văn Khoa	B1	1945	Số 34 - Hưng Yên - Thanh Hóa - Hải Tây	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
61. Lê Văn Khoa	B1	1945	Số 34 - Hưng Yên - Thanh Hóa - Hải Tây	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
62. Ngô Văn Khoa	B1	1945	Số 34 - Hưng Yên - Thanh Hóa - Hải Tây	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
63. Dương Văn Khoa	B1	1945	Số 34 - Hưng Yên - Thanh Hóa - Hải Tây	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
64. Đỗ Văn Khoa	B1	1945	Số 34 - Hưng Yên - Thanh Hóa - Hải Tây	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
65. Nguyễn Văn Khoa	B1	1945	Số 34 - Hưng Yên - Thanh Hóa - Hải Tây	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân
66. Ngô Văn Khoa	B1	1945	Số 34 - Hưng Yên - Thanh Hóa - Hải Tây	Ngô Văn Bân	Ngô Văn Bân

Minister

Trên 1 cái bát 2 cái bát - (còn lại 65 bát)

5	6	7	8	9	10	11	12
Ngô Văn Lân	Hưng Thi Hiền	Vũ	gười nhà Bìn	18-8-	T. 8-		
Nguyễn Văn Lân	Lưu Thi Văn	Bố		15-9-65	Trạm giao liên	Tg	
Nguyễn Văn Lân	Đỗ Thị Yên	Bố		19-9-65		Tg	
Nguyễn Văn Lân	Nguyễn Thị Văn	Vợ		25-9-66	Bên viên kết Trần	Tg	
Nguyễn Văn Lân	Nguyễn Thị Hiền	Mẹ		5-9-65	Trạm giao liên	Tg	
Nguyễn Văn Lân	Nguyễn Thị Ngọc	Mẹ		19-8-65	Trạm giao liên	Tg (Thủy)	
Nguyễn Văn Lân	Nguyễn Thị Lợi	Mẹ		6-9-65		Tg	
Nguyễn Văn Lân	Nguyễn Thị Mai	Mẹ				Tg	
Nguyễn Văn Lân	Đào Thị Quý	Vợ		7-9-65		Tg	
Nguyễn Văn Lân	Đào Thị Hiền	Bố		8-9-65		Tg	
Nguyễn Văn Lân	Nguyễn Thị Oai	Mẹ		11-9-65		Tg	
Nguyễn Văn Lân	Đỗ Thị Đông	Bố		18-9-65		Tg	
Nguyễn Văn Lân	Nguyễn Thị Thu	Bố		18-9-66		Tg	
Nguyễn Văn Lân	Nguyễn Thị Oai	Bố		20-8-66		Tg	
Nguyễn Văn Lân	Trần Thị Oai	Bố		9-9-66		Tg	
Nguyễn Văn Lân	Bùi Thị Nu	Vợ		1-9-66		Tg	
Nguyễn Văn Lân	Chu Thị Tiên	Bố		4-9-65		Tg	
Nguyễn Văn Lân	Thị Hiền	Mẹ		4-9-66		Tg	
Nguyễn Văn Lân	Thị Hiền	Bố		21-8-65		Tg	
Nguyễn Văn Lân	Thị Ngọc	Bố		11-9-65		Tg	
Nguyễn Văn Lân	Thị Hiền	Bố		22-9-65		Tg	
Nguyễn Văn Lân	Thị Hiền	Mẹ		2-9-65		Tg	
Nguyễn Văn Lân	Đỗ Thị Văn	Bố		29-8-65		Tg	
Nguyễn Văn Lân	Thị Hiền	Bố		31-9-65	Vị Thị Tuy đang		
Nguyễn Văn Lân	Trần Thị Hiền	Vợ		8-11-65	Bên viên	Kg	
Nguyễn Văn Lân	Thị Hiền	Bố		14-8-65		Kg	
Nguyễn Văn Lân	Thị Hiền	Mẹ		28-11-65		Kg	

Thị Thi	me	gút như bìn	3.6.1955	Utho 10 - h. 20.00.00.00
Thị Xuyến	me	"	"	"
Thị Hài	me	"	26.6.1955	Trần Lữ giữ Trung đoàn
Thị X	bố	"	20.8.66	Ngân Trung Tâm giao liên
Thị Xuyến	bố	"	1.8.66	Trần Văn Utho 10
Thị Xuyến	Ngô Thị Xuyến	me	2.8.66	T1
Thị Xuyến	Trần Thị Xuyến	me	21.8.66	Một Tđ chỉ huy 1 Sđy T1
Thị Xuyến	Đặng Thị Xuyến	me	21.8.66	Trần giao liên T1
Thị Xuyến	bố	"	28.8.66	T1
Thị Xuyến	bố	"	2.9.66	Trần Trâm T1
Thị Xuyến	me	Vũ Văn B. giữ như bìn	6.12.66	T3
Thị Xuyến	me	gút như bìn	12.8.66	T1
Thị Xuyến	bố	"	2.8.66	T1
Thị Xuyến	bố	"	2.8.66	T1
Thị Xuyến	bố	"	23.8.66	T1
Thị Xuyến	bố	"	2.8.66	T1
Thị Xuyến	Ngô Thị Xuyến	V. Vũ Văn B. giữ như bìn	11.8.66	Trần X. T1
Thị Xuyến	me	gút như bìn	11.8.66	"
Thị Xuyến	Ngô Thị Xuyến	me	11.8.66	"
Thị Xuyến	Ngô Thị Xuyến	bố	11.8.66	"
Thị Xuyến	me	"	30.8.66	Trần Trâm 10
Thị Xuyến	bố	"	11.8.66	10
Thị Xuyến	bố	"	31.8.66	21
Thị Xuyến	Đặng Thị Xuyến	bố	11.8.66	Trần Trâm X. X
Thị Xuyến	bố	"	23.8.66	Trần 8 giao liên
Thị Xuyến	bố	"	15.8.66	T1
Thị Xuyến	Ngô Thị Xuyến	bố	11.8.66	T1
Thị Xuyến	Phạm Thị Xuyến	bố	14.8.66	T1
Thị Xuyến	Phạm Thị Xuyến	V. Vũ Văn B. giữ như bìn	15.8.66	10
Thị Xuyến	bố	gút như bìn	14.8.66	2
Thị Xuyến	Ngô Thị Xuyến	bố	11.8.66	2
Thị Xuyến	Ngô Thị Xuyến	V	11.8.66	2
Thị Xuyến	bố	Ngô Văn B. giữ như bìn	4.8.66	7
Thị Xuyến	bố	gút như bìn	2.8.66	T1
Thị Xuyến	bố	"	15.8.66	2
Thị Xuyến	bố	"	11.8.66	2
Thị Xuyến	me	"	15.8.66	1
Đàn Thị Xuyến	Đàn Thị Xuyến	long không răn giữ như bìn	20.8.66	2

Mining

55994

Captured Documents

(WHEN FILLED IN)

PLEASE COPY CODE SHEET

Page 1 of 5

Locker Awl

Entry Date 16 MAY 67

Originator	CDIC Loc No.	Classification	Report Date
→ \$ P .	U 041040	V 3 041000	16 MAY 67

Document Type	Capture Date	Step Code
W P M S B 04	Y 6 20324	

Area Code	Area of Capture	Province Area	
B A V V C C			L X T 3322

Capturing Unit	Date of Info	Step Code
P U 004 DW	X 6 20510	J 669106

District Code			
0 325001	A P 23510	G W A M E	F U I T

			Step Code
A 736150	M P 1205	A 179410	

B A V S V N C	M 701 11	M 7 1186	F W M V B 00

			Step Code
C W G U Y E W	- C O W G T H	C T W E	

C T R A M X U	- A M T A E	C T A I I	C W G U Y E W

			Step Code
- V I E T H E	C W E M	C M A I L U U	

C L U U	C H A D V A W	- P H A E	C P H A E

			Step Code
C W G U Y E W	- Q U A N G H	C H A I I	

Comment. second set of four sets

(WHEN FILLED IN)

KIN

KIN

2 of 5

CDANGQU	-ANGHUE	CHUA	CHUA
CDENAWA	-AM	CHAM	
CDANGQU	-ANGHUE	CHUE	-CHUYEM
CHRWGT	CTEM	CTEEN	
CHUACHOT	-HUONG	CHHUONG	CHUWAM
-HUONG	CHUONG	CHUWAM	
CHACH	CHACH	CHUYEM	-CHUWAM
CHUWEM	CHUWAM	-HAI	
CHUAI	CHUWAM	-HUONG	CHUWAM
CHUYEM	-CHUWAM	CHUWAM	
CHUWAM	-CHUWAM	CHUWAM	CHUWAM
-LAM	CHUYEM	-CHUWAM	
CHUAI	CHUYEM	-CHUWAM	CHUWAM
CHUWAM	-CHUWAM	CHUWAM	
CHUYEM	-CHUWAM	CHUWAM	CHUYEM
CHUWAM	CHUYEM	CHUYEM	

KIN

KIN

305 5

-WAMMEI	CMEI	CTRWMTI	-WHITVIA
CTHIAAT	CPWAMVA	-WMAU	
CMU	CNGUYEM	-MANHITA	CTAW
CDHUNG	-UCHAI	CHAI	
CPHAMVA	-WTHAM	CTHAM	CPHAMDO
-WMAZIA	CMHTEM	CNGUYEM	
-WAMBAM	CBAM	CDANGVA	-WAMH
CHINVI	CNGUYEM	-WAMTOI	
CTOI	CLUONGM	-WMDU	CDU
CDODQUA	-NGHAI	CHAI	
CDOM ⁵	-UANGDA	CDAM	CLEVAMB
-IWA	CLAMPE	CHOMAM	
LANGUANG	CGANG	CTATAM	-AMTHA
CTHO	CLEKMA	-HAM	
CHAM	CNGUYEM	-CHILAM	CLAM
CDODIWH	-XUYEM	CHUYEM	

KIN

KIN

4 OF 5

CNGUYEN	-WANKY.	CKY. . .	CWONGT
CHACHU	CHUYEN	CNGUYEN	
CHADUE	CDUC. .	CHRWANG	-BODAR.
CHAE. .	CNGUYEN	-NHWDUE	
CHONGV	-ANGAE.	CHWANG	-MHWANG
CHWANG	CNGUYEN	-WANKIE	
CHIEH. .	CHADIZM	-HIZM. .	CHAM. .
CNGUYEN	-DANKIA	CKWANG	
CHWANG	-BNGKHA	CHWAZ. .	CLEWAMB
CHIEH. .	CHIEH. .	CNGUYEN	
CHWANG	CHWANG	CNGUYEN	-WANDIE
CHIEH. .	CHWANG	-WANKIE	
CHWANG	CHWANG	-KHWANG	CHAD. .
CNGUYEN	-WANKIA	CKWANG	
CHWANG	-WANGUB	CHWANG	CLEWANG
CHWANG	CKWANG	CNGUYEN	

KIN

Mining

Number of code cards
exceeds number of
document pages

Mining

Number of code cards
exceeds number of
document pages

Mining

Number of code cards
exceeds number of
document pages

Mining

Number of code cards
exceeds number of
document pages

Mining

Number of code cards
exceeds number of
document pages



Mining

Number of code cards
exceeds number of
document pages

Mining

Number of code cards
exceeds number of
document pages

Miringer

✓
Number of code cards
exceeds number of
document pages

Mining

Number of code cards
exceeds number of
document pages

Minneapolis

Number of code cards
exceeds number of
document pages

Mining

Number of code cards
exceeds number of
document pages

Mining

Number of code cards
exceeds number of
document pages

Mining

Number of code cards
exceeds number of
document pages